



bù fù
不复

adverb · no longer

Example Sentences

Jiù rì shí guāng bù fù cún zài
旧日时光不复存在。

The old days no longer exist.

Nà duàn yǒu yì yǐ jīng bù fù cóng qián
那段友谊已经不复从前。

That friendship is no longer what it used to be.

Tā lí kāi hòu zhè lǐ bù fù rè nào
他离开后，这里不复热闹。

After he left, it was no longer lively here.

Trace each character, then write the word on your own.

不	不	不	不	不	不	不				
复	复	复	复	复	复	复	复	复	复	复
复										